

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 22/2023/DS-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Về tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Y Míp Niê** và bà **Nguyễn Thị Chinh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mậu Tuân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2022/TLST-DS ngày 06/10/2022, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-DS ngày 31/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-DS ngày 13/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: 201, 203 – CM – phường 4 – quận 3 – thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 379/2002/UQ-AMC ngày 27/6/2022): ông **Vũ Văn L** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: số 168 – LHP - phường T – thành phố B - tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Đinh Văn B**, bà **Đặng Thị H**.

Địa chỉ: thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Bà H có mặt, ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2022 và bản tự khai ngày 20/10/2022, đại diện nguyên đơn ông **Lê Văn B** trình bày: Ngày 15/6/2017, ngân hàng TMCP N – chi nhánh Đ và ông **Đinh Văn B**, bà **Đặng Thị H** đã giao kết hợp đồng tín dụng số 0805/2017/502-

CV ngày 15/6/2017 và giấy nhận nợ số 02/GNN-0805/2017/502-CV ngày 18/6/2018 để cấp tín dụng cho ông B, bà H với thông tin cụ thể như sau: Số tiền vay 380.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư các khoản mục SXNN (chăm sóc cà phê, tiêu, sầu riêng...), lãi suất trong hạn 11%/ năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 10%/ năm, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 18/6/2018 đến 18/6/2019).

Tổng dư nợ khoản vay tạm tính đến ngày 16/6/2022 là 604.735.505 đồng, trong đó nợ gốc 379.999.944 đồng + nợ lãi và phạt chậm lãi 224.735.561 đồng.

Khoản cấp tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0418-01/2016/502-BĐ và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-0418-01/2016/502-BĐ ngày 15/6/2017, tài sản là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 24, diện tích 5.605m² theo giấy chứng nhận số BA 780979 và thửa đất số 130, tờ bản đồ số 24, diện tích 6.448m² theo giấy chứng nhận số BA 780980.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông B và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông bà trả nợ nhưng không thực hiện như cam kết.

Nay đề nghị ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H thanh toán cho ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 16/6/2022 là 604.735.505 đồng, trong đó nợ gốc 379.999.944 đồng + nợ lãi và phạt chậm lãi 224.735.561 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông B và bà H vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi theo quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi bản án/ quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, ông B và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan hành án dân sự xử lý các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0418-01/2016/502-BĐ ngày 04/10/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-0418-01/2016/502-BĐ ngày 15/6/2017 để thu hồi nợ theo quy định.

- Tại bản tự khai ngày 21/10/2022, bị đơn bà Đặng Thị H trình bày: Tôi thừa nhận có vay của Ngân hàng N – chi nhánh Đ với số tiền theo hợp đồng đã ký kết là 380.000.000 đồng và lãi suất đã thỏa thuận như hợp đồng đã ký.

Do kinh tế khó khăn nên chúng tôi chưa trả được khoản nợ gốc cho ngân hàng mặc dù đã đến hạn. Nay ngân hàng khởi kiện chúng tôi về số tiền nợ gốc là 379.999.944 đồng và lãi suất là 244.735.561 đồng thì chúng tôi không có ý kiến gì.

Nay chúng tôi đề nghị được giãn nợ, cho trả dần số tiền trên. Nếu không được thì chúng tôi đồng ý giao tài sản đã thế chấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BA 780979 và số BA 780980 để ngân hàng xử lý theo pháp luật.

Đối với bị đơn là ông Đinh Văn B, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đương sự vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu như đơn khởi kiện, đề nghị ông Đinh Văn B và bà Đặng Thị H phải trả cho ngân hàng N số tiền nợ gốc là 379.999.684 và lãi suất tạm tính đến ngày 28/4/2023 là 283.368.467 đồng, tổng cộng 663.368.151 đồng. Ông B, bà H phải chịu lãi suất theo mức như đã thỏa thuận khi vay tính từ ngày 29/4/2023 đến khi trả xong toàn bộ số nợ cho ngân hàng. Khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, ông Đinh Văn B và bà Đặng Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền đề nghị chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng xử lý tài sản đã thế chấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 780979 và số BA 780980 để ngân hàng xử lý theo pháp luật.

Bị đơn bà Đặng Thị H thừa nhận và đồng ý như lời trình bày của đại diện nguyên đơn về số tiền nợ (bao gồm nợ gốc, nợ lãi) và việc xử lý tài sản đã thế chấp trong trường hợp không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng và đủ tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán điều hành trình tự theo đúng thủ tục, đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP N để buộc ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 379.999.684 và lãi suất tạm tính đến ngày 28/4/2023 là 283.368.467 đồng, tổng cộng 663.368.151 đồng. Ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 29/4/2022 đến khi trả xong nợ theo mức lãi như hợp đồng tín dụng các bên đã ký. Sau khi ông B, bà H trả xong nợ thì ngân hàng N phải trả theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 780979 và số BA 780980; trường hợp không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP N khởi kiện ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H về việc phải thanh toán cho ngân hàng N khoản nợ mà các bên đã ký kết theo Hợp đồng tín dụng số 0805/2017/502-CV ngày 15/6/2017 và giấy nhận nợ số 02/GNN-0805/2017-CV ngày 18/6/2018. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự

(BLTTDS).

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H cư trú tại thôn X, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

[1.3] Bị đơn Đinh Văn B mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với tiền nợ gốc: Ngày 15/6/2017, ông Đinh Văn B và bà Đặng Thị H ký hợp đồng tín dụng số 0805/2017/502-CV và ngày 18/6/2018 ký giấy nhận nợ số 02/GNN-0805/2017-CV với ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ để vay số tiền 380.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng (từ ngày 18/6/2018 đến 18/6/2019), lãi suất tại thời điểm 11%/ năm, mục đích sử dụng tiền vay để chăm sóc cà phê, tiêu, sầu riêng...

Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã được các bên ký kết là hợp pháp để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng cũng như đến nay, ông Đinh Văn B và bà Đặng Thị H chưa thanh toán cho ngân hàng như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng và giấy nhận nợ nên ông B, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (trả nợ gốc đến kỳ) mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần. Khoản nợ gốc của ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H đối với số tiền đã vay đã vi phạm thời hạn trả kể từ ngày 18/6/2019, lỗi hoàn toàn thuộc về ông B, bà H. Ngân hàng N yêu cầu ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 379.999.684 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền nợ lãi: Khi ký kết hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, các bên cùng thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 11%/ năm, lãi suất điều chỉnh... Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H phải trả lãi trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả theo mức lãi như hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký là có căn cứ.

Như vậy, tính đến ngày 28/4/2023 thì ông Đinh Văn B và bà Đặng Thị H đã nợ và phải trả cho ngân hàng N số tiền gốc là 379.999.684 đồng và lãi suất tính đến ngày 28/4/2023 là 283.368.467 đồng, tổng cộng là 663.368.151 đồng.

Ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0805/2017/502-CV ngày 15/6/2017 và giấy nhận nợ số 02/GNN-0805/2017-CV ngày 18/6/2018 cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số 0418-01/2016/502-BĐ ngày 04/10/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-0418-01/2016/502-BĐ ngày 15/6/2017 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ với bên thế chấp là ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H đều có chữ ký của các bên và đã được chứng thực tại Văn phòng công chứng có thẩm quyền nên việc thế chấp này là hợp pháp.

Trường hợp ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H thanh toán hết khoản nợ trên cho ngân hàng N thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BA 780979 và số BA 780980 cho ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H.

Nếu ông B, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng N thì sau khi bản án có hiệu lực, ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất số BA 780979 và số BA 780980 để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Chi phí tố tụng: Ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H phải chịu số tiền 5.000.000 đồng và phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N đã nộp tạm ứng để thực hiện cho việc xem xét, thẩm định, đo đạc.

[3.2] Án phí: Ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin được miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

1.1. Buộc ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 663.368.151 đồng (trong đó nợ gốc 379.999.684 đồng + nợ lãi tính đến ngày 28/4/2023 là 283.368.467 đồng).

1.2. Kể từ ngày 29/4/2023, ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số số 0805/2017/502-CV ngày 15/6/2017 và giấy nhận nợ số 02/GNN-0805/2017-CV ngày 18/6/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ.

1.3. Khi ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng N thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BA 780979 và số BA 780980 cho ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H.

1.4. Trường hợp ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng N thì sau khi bản án có hiệu lực, ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử

dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 780979 và số BA 780980 để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H phải hoàn trả cho ngân hàng TMCP N số tiền 5.000.000 đồng đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định và đo đạc.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Văn B, bà Đặng Thị H do là hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 14.094.000 đồng (do ông Lê Văn B nộp) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009251 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn